

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA XÁC NHẬN KẾT QUẢ TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
(Kỳ kiểm tra lần thứ 12, ngày 23/10/2016)

Địa điểm kiểm tra: 624 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/10/2016

Phòng: BPH111

CBCT1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra:

Sáng: 08:30 - 11:10 (Nghe + Đọc + Viết)

CBCT2:

Ký tên:.....

Chiều: 13:30 - 16:30 (Nói)

STT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Điểm					Kết Quả
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	
1	VHU.TAB1.12.001	Trần Tường	Anh	10/2/1967	Hồ Chí Minh							
2	VHU.TAB1.12.002	Trần Lan	Anh	12/2/1995	Nam Định							
3	VHU.TAB1.12.003	Thái Nguyễn Trung	Anh	24/9/1987	Đắk Lắk							
4	VHU.TAB1.12.004	Phạm Tuấn	Anh	10/8/1988	Hồ Chí Minh							
5	VHU.TAB1.12.005	Huỳnh Tuấn	Anh	30/4/1980	Quảng Ngãi							
6	VHU.TAB1.12.006	Ngô Thị	Anh	30/08/1064	Hung Yên							
7	VHU.TAB1.12.007	Trương Hoài	Bảo	26/7/1997	Bình Định							
8	VHU.TAB1.12.008	Võ Thị Quốc	Bình	13/11/1976	Hồ Chí Minh							
9	VHU.TAB1.12.009	Lê Thị Khánh	Chi	29/1/1979	Nam Định							
10	VHU.TAB1.12.010	Đặng Hoàng	Chiến	23/05/1979	Vĩnh Long							
11	VHU.TAB1.12.011	Lê Hoàng	Cho	7/9/1963	Hồ Chí Minh							
12	VHU.TAB1.12.012	Nguyễn Trọng	Chương	19/3/1978	Nghệ An							
13	VHU.TAB1.12.013	Nguyễn Tiến	Đặng	22/5/1966	Hà Nội							
14	VHU.TAB1.12.014	Ngô Phan Duy	Doanh	2/3/1996	Hồ Chí Minh							
15	VHU.TAB1.12.015	Nguyễn Hoàng	Đức	26/4/1977	Nước ngoài							
16	VHU.TAB1.12.016	Nguyễn Thúy	Duy	02/6/1978	Vĩnh Long							
17	VHU.TAB1.12.017	Huỳnh Mai	Duy									
18	VHU.TAB1.12.018	Nguyễn Hồ Châu	Giang	24/9/1969	Hà Nội							
19	VHU.TAB1.12.019	Trần Hương	Giang	15/10/1990	Nam Định							
20	VHU.TAB1.12.020	Hà Nguyễn Trường	Giang	15/05/1975	Thái Bình							
21	VHU.TAB1.12.021	Vũ Văn	Giáp	10/7/1990	Nghệ An							
22	VHU.TAB1.12.022	Nguyễn Lâm	Hải	15/7/1970	Quảng Ngãi							
23	VHU.TAB1.12.023	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	8/11/1976	Thái Bình							
24	VHU.TAB1.12.024	Lê Thị Thu	Hiền	14/3/1980	Thanh Hóa							
25	VHU.TAB1.12.025	Nguyễn	Hiền	29/8/1988	Đà Nẵng							
26	VHU.TAB1.12.026	Phạm Ngọc	Hiền	09/05/1979	Thanh Hóa							
27	VHU.TAB1.12.027	Lý Hiền	Hòa	9/8/1973	Hà Nội							
28	VHU.TAB1.12.028	Võ Thanh	Hoài	19/4/1985	Tiền Giang							
29	VHU.TAB1.12.029	Trương Thị Hồng	Huệ	27/06/1965	Hồ Chí Minh							
30	VHU.TAB1.12.030	Phan Minh	Hùng	12/9/1972	Bình Định							
31	VHU.TAB1.12.031	Huỳnh Việt	Hùng	24/1/1964	Kiên Giang							

STT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Điểm					Kết Quả
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	
32	VHU.TAB1.12.032	Phạm Quốc	Hùng	8/8/1980	Đồng Nai							
33	VHU.TAB1.12.033	Võ Thế	Hung	27/6/1967	Đà Nẵng							
34	VHU.TAB1.12.034	Nguyễn Hoàng	Hung	24/4/1963	Đồng Tháp							
35	VHU.TAB1.12.035	Nguyễn Bửu An	Khánh	05/4/1971	Đồng Tháp							
36	VHU.TAB1.12.036	Nguyễn Huy	Khôi	28/06/1977	Khánh Hòa							
37	VHU.TAB1.12.037	Đình Văn	Khởi	3/10/1960	Nghệ An							
38	VHU.TAB1.12.038	Nguyễn Đăng	Khuê	12/10/1977	Thái Bình							
39	VHU.TAB1.12.039	Huỳnh Trung	Kiên	14/9/1966	An Giang							
40	VHU.TAB1.12.040	Hồ Phương	Lan	04/4/1971	Quảng Nam							
41	VHU.TAB1.12.041	Phạm Thanh	Lân	15/10/1982	Hồ Chí Minh							
42	VHU.TAB1.12.042	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	03/01/1971	Huế							
43	VHU.TAB1.12.043	Hoàng Thị Nhật	Lệ	5/7/1982	Hà Nội							
44	VHU.TAB1.12.044	Phạm Ngọc Mai	Liêm	25/8/1965	Campuchia							
45	VHU.TAB1.12.045	Vương Thanh	Liêm	10/7/1962	Đồng Tháp							
46	VHU.TAB1.12.046	Bạch Thành	Long	14/10/1973	Nghệ An							
47	VHU.TAB1.12.047	Nguyễn Thành	Long	14/10/1973	Thái Bình							
48	VHU.TAB1.12.048	Trương Thanh	Long	05/10/1971	Hà Nội							
49	VHU.TAB1.12.049	Nguyễn Thị	Minh	20/1/1976	Hồ Chí Minh							
50	VHU.TAB1.12.050	Trần Diệu	My									
51	VHU.TAB1.12.051	Nguyễn Đông	Nam	21/8/1966	Quảng Nam							
52	VHU.TAB1.12.052	Nguyễn Đình	Nam	24/8/1962	Long An							
53	VHU.TAB1.12.053	Huỳnh	Nam	10/5/1966	Quảng Nam							
54	VHU.TAB1.12.054	Nguyễn Thị Thanh	Nga	4/3/1979	Vĩnh Phúc							
55	VHU.TAB1.12.055	Lý Seng	Nguồn	7/12/1966	Nước ngoài							
56	VHU.TAB1.12.056	Dương Đức	Nguyên	24/10/1966	Hồ Chí Minh							
57	VHU.TAB1.12.057	Trần Nữ Như	Nguyện	09/12/1986	Bình Định							
58	VHU.TAB1.12.058	Lê Văn	Nhiễn	14/8/1964	Hồ Chí Minh							
59	VHU.TAB1.12.059	Trần Thị Tuyết	Nhung	15/1/1974	Sông Bé							
60	VHU.TAB1.12.060	Nguyễn Thanh	Phú	20/10/1963	Hồ Chí Minh							
61	VHU.TAB1.12.061	Nguyễn Thanh	Phúc	10/10/1992	Trung Quốc							
62	VHU.TAB1.12.062	Nguyễn Ngọc	Phụng	20/12/1980	Hồ Chí Minh							
63	VHU.TAB1.12.063	Trần Thị Ngô Hồng	Phước	13/2/1995	Khánh Hòa							

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
 CHỦ TỊCH HĐ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng mặt:.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA XÁC NHẬN KẾT QUẢ TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
(Kỳ kiểm tra lần thứ 12, ngày 23/10/2016)

Địa điểm kiểm tra: 624 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/10/2016

Phòng: BPH112

CBCT1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra:

Sáng: 08:30 - 11:30 (Nói)

CBCT2:

Ký tên:.....

Chiều: 13:30 - 16:10 (Nghe + đọc + viết)

STT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Điểm					Kết Quả
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	
1	VHU.TAB1.12.064	Phạm Thị Ngọc	Phuong	01/10/1985	Bến Tre							
2	VHU.TAB1.12.065	Nguyễn Huỳnh Quế	Phuong	10/5/1982	Ninh Thuận							
3	VHU.TAB1.12.066	Phan Thị Hoa	Phuong	12/5/1969	Cà Mau							
4	VHU.TAB1.12.067	Nguyễn Thanh	Quan	16/12/1966	Đồng Tháp							
5	VHU.TAB1.12.068	Nguyễn Vinh	Quang	20/01/1969	Bình Dương							
6	VHU.TAB1.12.069	Trần Đỗ	Quyên	12/1/1983	Campuchia							
7	VHU.TAB1.12.070	Dư Minh	Quyên	9/9/1969	Hải Phòng							
8	VHU.TAB1.12.071	Nguyễn Ngọc Tú	Quỳnh	30/10/1985	Hồ Chí Minh							
9	VHU.TAB1.12.072	Bùi Thanh	Son	25/2/1966	Tiền Giang							
10	VHU.TAB1.12.073	Vũ Hồng	Son	22/12/1971	Nghệ An							
11	VHU.TAB1.12.074	Đặng Hoàng	Son	29/9/1976	Hồ Chí Minh							
12	VHU.TAB1.12.075	Dương Tùng	Son	05/9/1961	Hồ Chí Minh							
13	VHU.TAB1.12.076	Lý	Son	20/6/1980	Hồ Chí Minh							
14	VHU.TAB1.12.077	Đỗ Tấn	Tài	26/9/1960	Hồ Chí Minh							
15	VHU.TAB1.12.078	Lý Công	Tâm	20/7/1966	Hồ Chí Minh							
16	VHU.TAB1.12.079	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	1/3/1987	Vĩnh Phúc							
17	VHU.TAB1.12.080	Lương Phan Hồng	Son	20/6/1980	Vĩnh Long							
18	VHU.TAB1.12.081	Võ Quốc	Thắng	5/3/1976	Hồ Chí Minh							
19	VHU.TAB1.12.082	Nguyễn Toàn	Thắng	18/8/1975	Quảng Ninh							
20	VHU.TAB1.12.083	Lê Chiến	Thắng	7/11/1966	Nghệ An							
21	VHU.TAB1.12.084	Nguyễn Hoàng	Thanh	1/2/1981	Thanh Hóa							
22	VHU.TAB1.12.085	Nguyễn Chí	Thành	15/5/1974	Hồ Chí Minh							
23	VHU.TAB1.12.086	Hồng Văn	Thành	20/8/1968	Hồ Chí Minh							
24	VHU.TAB1.12.087	Nguyễn Thu Thu	Thảo	02/12/1967	Sài Gòn							
25	VHU.TAB1.12.088	Nguyễn Đăng	Thiếp	14/9/1981	Thái Bình							
26	VHU.TAB1.12.089	Nguyễn Văn	Thịnh	25/11/1965	Thái Bình							
27	VHU.TAB1.12.090	Phạm Thị	Thòa	15/6/1978	Nam Định							
28	VHU.TAB1.12.091	Nguyễn Trọng	Thông	15/4/1991	Nghệ An							
29	VHU.TAB1.12.092	Trần Ngọc Anh	Thư	29/10/1993	Hồ Chí Minh							
30	VHU.TAB1.12.093	Hoàng Thị	Thúy	24/6/1978	Bắc Ninh							
31	VHU.TAB1.12.094	Nguyễn Quốc	Toàn	2/1/1962	Tây Ninh							
32	VHU.TAB1.12.095	Ngô Nguyễn Hoàng	Trang	27/5/1983	Đồng Nai							

STT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Điểm					Kết Quả
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	Tổng	
33	VHU.TAB1.12.096	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/1/1978	Hồ Chí Minh							
34	VHU.TAB1.12.097	Nguyễn Thị Thùy	Trang	26/10/1994	Bến Tre							
35	VHU.TAB1.12.098	Lê Phan Thùy	Trang	11/5/1995	Hồ Chí Minh							
36	VHU.TAB1.12.099	Dương Văn	Triệu	12/12/1963	Hồ Chí Minh							
37	VHU.TAB1.12.100	Bùi Thị Tuyết	Trình	17/4/1978	Hưng Yên							
38	VHU.TAB1.12.101	Vũ Thanh	Trúc	26/3/1995	Hồ Chí Minh							
39	VHU.TAB1.12.102	Vô Văn	Trực	31/12/1959	Bình Dương							
40	VHU.TAB1.12.103	Trần Quang	Trung	1/11/1967	Đồng Tháp							
41	VHU.TAB1.12.104	Lê Minh	Tuấn	27/12/1965	Hồ Chí Minh							
42	VHU.TAB1.12.105	Trần Anh	Tuấn	21/7/1986	Quảng Bình							
43	VHU.TAB1.12.106	Nguyễn Thanh	Tùng	5/1/1965	Vĩnh Long							
44	VHU.TAB1.12.107	Đoàn Sơn	Tùng	20/9/1965	Hà Nội							
45	VHU.TAB1.12.108	Nguyễn Duy	Tướng	20/6/1980	Hà Nội							
46	VHU.TAB1.12.109	Nguyễn Thanh	Tuyền	15/7/1961	Bình Phước							
47	VHU.TAB1.12.110	Trần Thị	Tuyết	29/10/1978	Thanh Hóa							
48	VHU.TAB1.12.111	Lê Thị Ngọc	Vân	20/12/1995	Bình Định							
49	VHU.TAB1.12.112	Trần Thị Mai	Vân	01/4/1978	Nam Định							
50	VHU.TAB1.12.113	Phùng Thị Hạ	Viên	29/8/1995	Nha Trang							
51	VHU.TAB1.12.114	Lê Thế	Việt	2/3/1986	Thanh Hóa							
52	VHU.TAB1.12.115	Nguyễn Hữu	Việt	21/2/1984	Thanh Hóa							
53	VHU.TAB1.12.116	Lê Quốc	Việt	08/01/1994	Hồ Chí Minh							
54	VHU.TAB1.12.117	Trần Võ Vy	Vy	04/11/1995	Hồ Chí Minh							
55	VHU.TAB1.12.118	Nguyễn Văn	Xô	15/4/1967	Hải Dương							
56	VHU.TAB1.12.119	Nguyễn Thị Kim	Mị	21/3/1989	Đồng Tháp							
57	VHU.TAB1.12.120	Đặng Trung	Thành	12/11/1983	Thái Bình							
58	VHU.TAB1.12.121	Đỗ Thị Liên	Chi	01/01/1979	Huế							
59	VHU.TAB1.12.122	Võ Bá	Tín	15/05/1977	Bình Định							
60	VHU.TAB1.12.123	Nguyễn Thụy Phương	Thảo	09/4/1976	Bình Dương							
61	VHU.TAB1.12.124	Phan Thanh	Duy	26/02/1975	Hồ Chí Minh							
62	VHU.TAB1.12.125	Trần Thanh	Tùng	26/12/1964	Hồ Chí Minh							

TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
 CHỦ TỊCH HĐ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng mặt :.....

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA XNKQ TIẾNG ANH

Số: /LKT-ĐHVH/NNTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

LỊCH KIỂM TRA XÁC NHẬN KẾT QUẢ TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)

Kỳ kiểm tra lần thứ 12, ngày 23/10/2016

Địa điểm kiểm tra: Cơ sở 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

STT	Ngày kiểm tra (Thứ)	Cấp lớp	Môn kiểm tra	Giờ bắt đầu	Số báo danh	Phòng	Ghi chú
1	23/10/2016 (Chủ Nhật)	Tiếng Anh bậc 3 (B1 theo CEFR)	Nghe + Đọc + Viết	08:30 - 11:10	VHU.TAB1.12.001 - VHU.TAB1.12.063	BPH111	
			Nói	13:30 - 16:30	VHU.TAB1.12.001 - VHU.TAB1.12.063		
2			Nói	08:30 - 11:30	VHU.TAB1.12.064 - VHU.TAB1.12.125	BPH112	
			Nghe + Đọc + Viết	13:30 - 16:10	VHU.TAB1.12.064 - VHU.TAB1.12.125		

Lưu ý:

- Thí sinh có mặt tại phòng thi lúc: Sáng 08:00 - Chiều 13:00.
- Thí sinh dự thi mang theo CMTND, Thẻ Sinh viên bản gốc (nếu là sinh viên VHU).

Nơi nhận:

- Ban Điều hành (để b/c ;
- Các thành viên Hội đồng kiểm tra (để t/h);
- Phòng: QLĐT, Tài chính (để phối hợp t/h);
- Phòng TTSK (đăng website);
- Trung tâm NN-TH (để t/h);
- Lưu: Văn thư, TT NNTH.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
CHỦ TỊCH HĐ**

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Đặng Thanh Vũ**